CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **120/VITANUTS/2026**

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG XANH VITANUTS.**

Địa chỉ: Số 11, Ngõ 1 Đường Phan Huy Chú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0363809411 E-mail: dinhduongxanhvitanuts@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111111604

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nutrition

2. Thành phần: Yến mạch, Đậu hà lan, Đậu gà, Đậu xanh, Hạt óc chó, Macca, Gạo lứt, Mè đen, đậu đen, Bắp, Cacao, Nondairy creamer,sữa non, maltodextrin, canxi tảo biển, đường cỏ ngọt, hương vani tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) ghi trên nhãn/bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 20g, 25g, 30g, 100g, 150g, 200g, 300g, 320g, 360g, 400g, 450g, 480g, 500g, 600g, 800g, 900g.

+ Chất liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lon thiếc, hộp nhựa, túi thiếc, bên ngoài là thùng giấy.

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG XANH VITANUTS

- Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô CN-2 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018 Số: GOODVN40825.FSMS cấp ngày 22/09/2025 do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM cấp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến):*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn sản phẩm số **TCCS/120/VITANUTS/2026**

MA HO SO: 000.02.19.H26-260731-0031

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích



MA HO SO: 000.02.19.H26-260731-0031

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Tên sản phẩm: Nutrition

Thành phần: Yến mạch, Đậu hà lan, Đậu gà, Đậu xanh, Hạt óc chó, Macca, Gạo lứt, Mè đen, đậu đen, Bắp, Cacao, Nondairy creamer,sữa non, maltodextrin, canxi tảo biển, đường cỏ ngọt, hương vani tự nhiên.

Đối tượng sử dụng: Dành cho người từ 3 tuổi trở lên.

Hướng dẫn sử dụng:

Cách pha 1: Pha 3 thìa gạt ngang (tương đương với 30g) với 180ml nước (70°C-80°C), khuấy đều.. Ngày uống 2-3 lần.

Cách pha 2 : pha 5 muỗng gạt ngang (tương đương với 50 g) với 180ml nước nước (70°C-80°C), khuấy đều. Ngày uống 2-3 lần. Thêm đá để thưởng thức

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp. Mở hộp ra sử dụng trong vòng 01 tháng, nắp phải được đậy kỹ trong quá trình sử dụng.

Cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc khi mở hộp cảm quan thấy sản phẩm có vấn đề, hư hỏng. Không sử dụng với người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

Khối lượng tịnh: Xem trên bao bì.

NSX: Xem trên bao bì.

HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Số TCB: 120/VITANUTS/2026

Thương nhân công bố, sản xuất, chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG XANH VITANUTS.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11, Ngõ 1 Đường Phan Huy Chú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ nhà máy: Lô CN-2 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Thông tin dinh dưỡng:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị/100g	Mức chất lượng/100g
Năng lượng	Kcal	400 ± 20%
Chất béo	g	12.3 ± 20%
Carbohydrate	g	61.7 ± 20%
canxi	mg	1.27x10^3
Đạm	g	10.7 ± 20%
Natri	mg	219± 20%

MA HO SO: 000.02.19.H26-260731-0031

Số: 51054/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nutrition
2. Mã số mẫu: 062610379/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG XANH VITANUTS
   Địa chỉ: Số 11, Ngõ 1 Đường Phan Huy Chú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 15/06/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 17/06/2026 - 06/07/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon kim loại, thông tin mẫu viết tay dán trên lon, lon 400 g. Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.1*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10
9.2*	*E. coli*	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10
9.3*	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017	CFU/g	< 10
9.4*	*Listeria monocytogenes*	ISO 11290-2:2017	CFU/g	< 10
9.5*	*Salmonella* spp.	TCVN 10780-1:2017	/25 g	Âm tính
9.6*	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	ISO 6888-1:2021	CFU/g	< 10
9.7*	Tổng số nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	< 10
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	$8,0 \times 10^2$
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 g	61,7
9.10*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 g	12,3
9.11*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 g	10,7
9.12	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo, Carbohydrat (không bao gồm xơ))	NIFC.02.M.06	kcal/100 g	400
9.13*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,1)
9.14*	Hàm lượng Aflatoxin M1	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,01)
9.15*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,1)

MÃ HỒ SƠ: 000.02.19.H26-260731-0031

TT	*Chỉ tiêu kiểm nghiệm*	*Phương pháp kiểm nghiệm*	*Đơn vị*	*Kết quả*
9.16*	Hàm lượng Melamin	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,05)
9.17*	Hàm lượng Arsen tổng số	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,020)
9.18*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,013
9.19*	Hàm lượng Calci	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 g	$1,27 \times 10^3$
9.20*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.21*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 g	219
9.22*	Hàm lượng Thiếc	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,030)
9.23*	Hàm lượng Thủy ngân	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.
10.2. KPH - Không phát hiện. LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử. LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
10.3. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là < 1 CFU/mL (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc < 10 CFU/g (với LOD: 10 CFU/g).
10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.
10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.
10.6. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Vũ Thị Trang